

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 07/5/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngo
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Duy T – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Tân. (có mặt)

- *Bị đơn:* ông Trần Văn D, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà *Trần Thị Tuyết G*, sinh năm 1987 (vắng mặt)
2. Bà *Trần Ngọc D1*, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Duy T trình bày:

Ngày 13/12/2007 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện HT đã phê duyệt cho ông Trần Văn D vay chương trình cho vay Xuất khẩu lao động số tiền là 19.500.000đồng theo khế ước số 6000003900046593, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn cho

vay là 24 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 13/12/2009. Khi đến hạn thì ông D không thanh toán nợ nên khoản vay của ông D đã được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện HT khoan nợ một lần là 05 năm từ ngày 11/6/2014 đến ngày 11/6/2019, theo đó đến ngày 11/6/2019 ông D phải thanh toán hết nợ gốc và lãi nhưng ông D vẫn không thanh toán. Nay yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền gốc là 19.500.000đồng và lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử là 3.720.981 và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi thi hành xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn D, chị Trần Thị Tuyết G và chị Trần Ngọc D1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông D từ chối nhận, chị G và chị D1 đã chuyển đi nơi khác nhưng không rõ địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành niêm yết nơi cư trú cuối cùng nhưng ông D, chị G, chị D1 đều không có mặt nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với các đương sự thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã không tuân thủ quy định của luật tố tụng mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng ông D, chị G và chị D1 vẫn không có mặt.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 19.500.000đồng và tiền lãi là 2.187.897đồng và lãi suất phát sinh đến khi thi hành xong các khoản nợ trên. Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa thấy rằng ngày 13/12/2007 ông Trần Văn D có vay của HNC SXH phòng giao dịch huyện HT số tiền là 19.500.000đồng nhưng đến nay chưa thanh toán gốc và lãi nên đã có đủ căn cứ xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 19.500.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử là 3.720.981 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong theo lãi suất của hợp đồng tín dụng số 6000003900046593.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 BLDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận thấy: Theo Sổ vay vốn và Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ thì ngày 13/12/2007 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch HT đã giải ngân

cho ông Trần Văn D số tiền là 19.500.000đồng, theo thỏa thuận của các bên thì thời hạn vay là 24 tháng lãi suất trong hạn là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/12/2009. Tháng 12/2009 NHCSXHVN đã gia hạn trả nợ cho ông Trần Văn D, theo đó thời hạn trả nợ đến ngày 12/12/2010 nhưng khi đến hạn thì ông D vẫn không thanh toán nên từ ngày 22/12/2010, Ngân hàng đã chuyển nợ trên sang nợ quá hạn, tuy nhiên theo Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ Tướng Chính phủ thì Ngân hàng đã thực hiện khoan nợ một lần đối với số nợ của ông Trần Văn D, thời hạn khoan nợ là 05 năm đến ngày 11/6/2019 thì ông D phải thanh toán nợ, nhưng từ ngày 11/6/2019 cho đến nay, ông D vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi nên yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo đơn đề nghị vay vốn thì ông D là người đứng ra vay tiền để cho con là Trần Thị Tuyết G đi xuất khẩu lao động và tại sổ vay vốn thì người thừa kế là Trần Thị Ngọc D1, tuy nhiên số tiền nợ trên là do một mình ông D đứng ra vay và NHCSXHVN cũng yêu cầu ông D phải trả nợ nên cần buộc một mình ông D phải có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp.

Về lãi suất: Theo hợp đồng vay vốn giữa các bên thì lãi suất thỏa thuận là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng, gia hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2010, thời gian khoan nợ là 05 năm (từ ngày 11/6/2014 đến ngày 11/6/2019). Sau khi vay thì ông D chưa thanh toán được khoản tiền nào và khi chuyển nợ quá hạn cho đến nay ông D vẫn chưa thanh toán. Do vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam yêu cầu ông D phải trả lãi trong hạn từ ngày 13/12/2007 đến ngày 12/12/2009; lãi suất quá hạn từ ngày 22/12/2010 đến ngày xét xử (đã trừ đi thời gian khoan nợ là 05 năm) với số tiền là 3.720.981 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong là phù hợp.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2004; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc ông Trần Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 19.500.000đồng tiền gốc và 3.720.981 đồng tiền lãi và lãi suất chậm trả kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong theo hợp đồng tín dụng (khế ước nhận nợ số 6000003900046593, Sổ vay vốn và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ), trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Trần Văn D phải chịu 1.161.049 đồng án phí DSST.

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai.

4/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Anh Dũng